

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/KDTM-PT

Ngày: 16/6/2022

V/v: tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Dung

- Các thẩm phán: Bà Trương Thị Liên

Ông Bùi Thanh Quốc

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Văn Ban - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:*** Bà Đồng Thị Thanh Nga - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số 01 /2022/TLPT- KDTM ngày 21 tháng 01 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06 /QĐXX-PT ngày 01 tháng 3 năm 2022.

Do bản án số 27/KDTM.ST ngày 17/11/2021 của TAND quận N xử sơ thẩm có kháng cáo, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Công ty Cổ phần đầu tư hải sản sống N.**

Địa chỉ: 62 ấp 15A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Toàn Đ - Giám đốc (Có mặt).

Địa chỉ: K7 đường số 7, khu Dân cư M, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ.

*** Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T K**

Địa chỉ: 127B/4B đường V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Minh T- Giám đốc (Vắng mặt).

Địa chỉ: 2A đường 14, phường X, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Nguyên đơn Công ty Cổ phần đầu tư hải sản sống N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn trình bày: Từ ngày 31/1/2020 đến ngày 16/8/2020 Công ty Cổ phần đầu tư hải sản sống N (gọi tắt là Công ty N), có bán hải sản cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T K

(gọi tắt là Công ty T K). Hai bên giao dịch mua bán hải sản thông qua mạng xã hội và điện thoại, không có ký hợp đồng mua bán. Khi giao nhận hàng, thì nhân viên Công ty T K, có ký tên trên hóa đơn bán lẻ của Công ty N. Tổng cộng số tiền mua bán hải sản, mà Công ty N đã bán cho Công ty T K là 308.191.000đồng, Công ty T K đã thanh toán cho Công ty N số tiền 163.342.950 đồng, hiện còn nợ lại là 144.848.050 đồng.

Phía Công ty N, đã nhiều lần yêu cầu Công ty T K thanh toán số tiền còn nợ, nhưng Công ty T K không thanh toán. Nay Công ty N yêu cầu Tòa án, buộc Công ty T K có nghĩa vụ trả cho Công ty N số tiền hàng còn nợ là 144.848.050 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Phía bị đơn Công ty T K, đã được Tòa án tiến hành các thủ tục tổng đạt, theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do và không có gửi văn bản, ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty N.

Tại phiên tòa Công ty N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Công ty T K phải trả số tiền còn nợ mua hải sản là 144.848.050 đồng. Bị đơn vắng mặt nên không ghi nhận ý kiến.

Tại bản án số 27/KDTM.ST ngày 17/11/2021 của TAND quận N tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần đầu tư hải sản sống N, về việc đòi số tiền 144.848.050 đồng nợ mua bán hải sản, đối với bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T K.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo qui định.

Ngày 29/11/2021 Công ty Cổ phần đầu tư hải sản tươi sống N- ông Nguyễn Toàn Đ có đơn kháng cáo, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm xét xử lại theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự tuân thủ đúng qui định của Bộ luật tố tụng.

- Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện nhưng cung cấp nhiều hóa đơn chứng từ không chứng minh được yêu cầu khởi kiện là có căn cứ. Khi kháng cáo bản án sơ thẩm cung cấp thêm đoạn ghi âm FILE và tập tài liệu in giao dịch qua Zalo vẫn chưa chứng minh được số tiền còn nợ giữa hai bên nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Đề nghị bác kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, xem xét thẩm tra tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Công ty N khởi kiện yêu cầu Công ty T K có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ mua bán hải sản là 144.848.050 đồng. Đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại, phát sinh trong hoạt động kinh doanh, giữa hai công ty có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thể hiện Công ty TNHH Một thành viên T K (Công ty T K), có trụ sở tại: 127/4B đường V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân quận N thụ lý, giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tố tụng: Đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Phan Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Phan Minh T theo quy định.

[3] Về yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn:

Nguyên đơn kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm xét xử lại theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Công ty N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty T K thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ phát sinh từ việc mua bán hải sản giữa hai bên với số tiền là 144.848.050 đồng.

Xét thấy, lời trình bày của đại diện Công ty N thì Công ty T K, kinh doanh quán ăn tên gọi quán “Đ”, mỗi ngày quán Đ có liên lạc đặt hàng, qua điện thoại hoặc nhắn tin trên group của mạng xã hội Zalo, báo số lượng và chủng loại cần mua cho Công ty N. Phía Công ty N sẽ cho nhân viên mang hàng đến giao cho quán Đ, tại đây nhân viên của quán Đ, sẽ nhận hàng và ký nhận vào hóa đơn bán hàng. Phía Công ty N sẽ giao hóa đơn mua hàng bản gốc liên 1 cho quán Đ, Công ty N giữ lại hóa đơn liên 2. Hàng tuần, hai bên sẽ đối chiếu công nợ, qua điện thoại hoặc group Zalo, vào chủ nhật và thanh toán tiền vào thứ hai. Công ty N sẽ đến quán Đ, nhận thanh toán bằng tiền mặt, chỉ có vài lần thanh toán bằng hình thức chuyển khoản. Sau khi quán Đ thuộc Công ty T K, đã trả tiền của hóa đơn nào, thì phía Công ty N sẽ giao lại hóa đơn liên 2 cho quán Đ, số hàng hóa nào mà quán Đ đã thanh toán rồi, thì phía Công ty N sẽ không giữ lại hóa đơn đó. Hiện những hóa đơn mà Công ty N khởi kiện, là những hóa đơn mà quán Đ thuộc Công ty T K, chưa trả cho Công ty N. Hơn nữa, chứng từ mà phía Công ty N, cung cấp cho Tòa án đều là hóa đơn liên 2 bản scan, không phải hóa đơn gốc liên 1, các hóa đơn bán hàng có chữ ký của nhiều người nhận hàng, từ ngày 31/1/2020 đến ngày 16/8/2020, có nhiều hóa đơn chỉ ký nhận ghi tên mà không ghi rõ họ tên, có nhiều hóa đơn không có chữ ký của người nhận hàng, (như hóa đơn số thứ tự 75, 78, 115, 146, 147). Đại diện của Công ty N, thừa nhận không biết rõ hết, những người ký tên trên các hóa đơn nhận hàng là ai, làm ở bộ phận nào của quán Đ, những tin

nhấn trao đổi mua bán hàng hóa giữa hai bên và tin nhắn đòi nợ Công ty T K trên group mạng xã hội Zalo hiện tại cũng bị xóa. Lời khai của Công ty N, không có căn cứ để chứng minh việc hai bên có thỏa thuận mua bán, như phía Công ty N đã trình bày. Công ty N, không cung cấp được hóa đơn bán hàng gốc, có chữ ký của người có thẩm quyền và con dấu xác nhận của Công ty T K, về số lượng hàng hóa chưa thanh toán và cũng không có văn bản đối chiếu công nợ giữa hai bên.

Xét các hóa đơn giá trị gia tăng, mà Công ty N đã xuất cho Công ty T K: Theo Công ty N trình bày, thì hàng tuần sau khi phía Công ty T K trả tiền mua hàng trong một tuần, sẽ yêu cầu phía Công ty N, xuất hóa đơn trên tổng số tiền đã trả. Công ty N thừa nhận, các chủng loại hàng hóa, số lượng, giá cả ghi trên hóa đơn không theo đúng thực tế hai bên giao dịch, mà ghi đại số lượng, chủng loại và giá cả của hàng hóa, sao cho phù hợp với số tiền mà Công ty T K thanh toán. Xét thấy, việc xuất hóa đơn giá trị gia tăng thì phải có phiếu thu, phiếu chi số tiền giao dịch với khách hàng, việc xuất hóa đơn phải ghi đúng chủng loại hàng hóa mà hai bên đã mua bán, nên việc xuất hóa đơn giá trị gia tăng trên, không đúng theo quy định của pháp luật. Các hóa đơn giá trị gia tăng này, của Công ty N, không thuộc đối tượng chịu thuế. Ngoài ra, Công ty N còn cung cấp 01 hóa đơn, xuất bán cho bị đơn một cân điện tử với giá 3.000.000 đồng, đây không phải là hàng hóa mà nguyên đơn đang kinh doanh, đại diện Công ty N cũng không nhớ rõ tại sao có hóa đơn bán hàng này. Do đó, Công ty N đòi số tiền này cũng không có căn cứ.

Xét thấy nghĩa vụ chứng minh là của đương sự theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng tại tòa sơ thẩm nguyên đơn không chứng minh được yêu cầu khởi kiện là có cơ sở. Tại giai đoạn phúc thẩm nguyên đơn cung cấp thêm chứng cứ chi tiết đoạn ghi âm và tập tin in từ Zalo để cho rằng bị đơn thừa nhận nợ. Tuy nhiên do bị đơn vắng mặt nên đoạn ghi âm này không được đối chất làm rõ với phía bị đơn để xác định nội dung đoạn ghi âm này có phải là lời nói của bị đơn hay không, hơn nữa nội dung đoạn ghi âm không rõ ràng và chưa đề cập gì đến số tiền còn nợ trong quá trình giao dịch mua bán giữa các bên. Tập tài liệu in giao dịch qua Zalo cũng không chứng minh được việc đối chất hay ký nhận nợ giữa hai bên. Ngoài ra nguyên đơn không cung cấp thêm chứng cứ nào khác để xác định quán Đ thuộc Công ty T K còn nợ Công ty N số tiền 144.848.050 đồng. Vì vậy yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn đề nghị hủy án sơ thẩm để xét xử lại theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn là không có căn cứ.

Nhận xét và đề nghị của kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do không chấp yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn nên phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ nguyên đơn Công ty Cổ phần đầu tư hải sản sống N.

- Về nội dung: Bác đơn kháng cáo của nguyên đơn Công ty Cổ phần đầu tư hải sản sống N.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần đầu tư hải sản sống N, về việc đòi số tiền 144.848.050 đồng nợ mua bán hải sản đối với bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T K.

2. Về án phí sơ thẩm: Công ty Cổ phần đầu tư hải sản sống N phải chịu 7.242.500 đồng (Bảy triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm đồng, đã làm tròn số) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 3.621.500 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số 003198 ngày 21/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Cần Thơ, thì Công ty Cổ phần đầu tư hải sản sống N còn phải tiếp tục nộp 3.621.500 đồng (Ba triệu sáu trăm hai mươi một nghìn năm trăm đồng, đã làm tròn số).

3. Về án phí phúc thẩm: Nguyên đơn phải nộp án phí phúc thẩm kinh doanh thương mại 2.000.000đ. Chuyển số tiền tạm ứng đã nộp tại biên lai thu số 0001406 ngày 29/11/2021 của chi cục thi hành án dân sự quận N thành án phí (nộp xong).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Q Ninh Kiều;
- Viện KSND TP Cần Thơ;
- Chi cục THADS quận N;
- Các đương sự
- Lưu.

Phan Thị Hồng Dung